

Honsberg®

Liên hệ tư vấn kỹ thuật và mua hàng:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ LÊ HƯNG

Địa chỉ: Mai Hiền, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

Điện thoại: 024. 32001203 Fax: 024. 32007513

Di động: **0903 221 682**

Email: kinhdoanh02@lehungtech.com.vn

Website: <http://lehungtech.com.vn>

Tư vấn tốt, giao hàng nhanh



Trợ giúp sửa chữa khi lưới cửa gặp sự cố

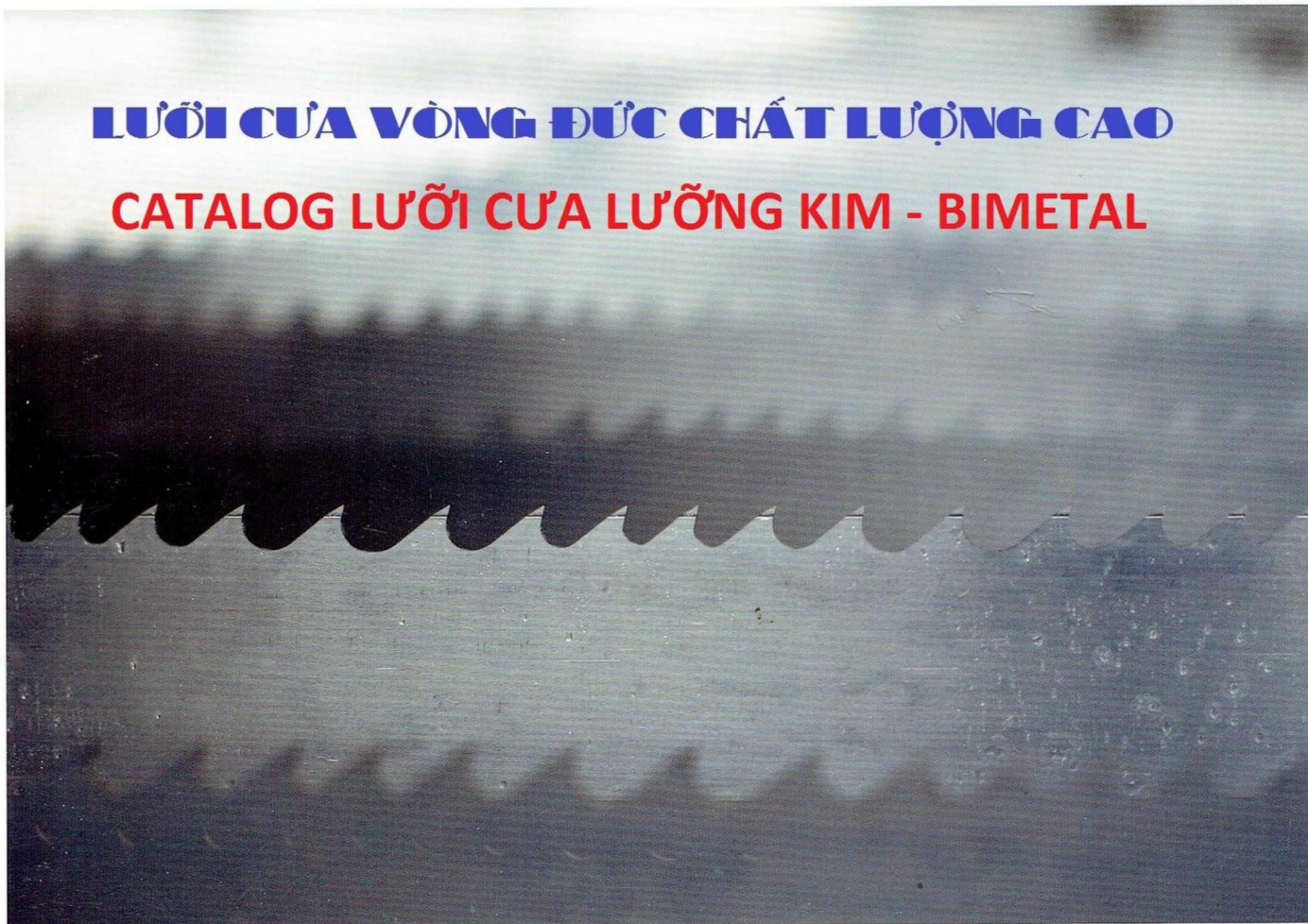


Phục vụ tận tình, chu đáo



LUỖI CỬA VÒNG ĐỨC CHẤT LƯỢNG CAO

CATALOG LƯỖI CỬA LƯỖNG KIM - BIMETAL



Chất lượng

Liên hệ tư vấn kỹ thuật và mua hàng:

0912 333 774 / 0903 221 682

2



CERTIFICATE OF APPROVAL

This is to certify that the Quality Management System of:

Honsberg Metallsägen GmbH
Auf dem Knapp 42, 42855 Remscheid
Germany



has been approved by Lloyd's Register Quality Assurance
to the following Quality Management System Standards:

ISO 9001:2008

The Quality Management System is applicable to:

**Production and sales of band saw blades, power hacksaw
blades, hand hacksaw blades, reciprocating saws
and circular saw blades.**

This certificate forms part of the approval identified by certificate number KLN 0201738

Approval
Certificate No: KLN 0201738/C

Original Approval: 28 July 1995

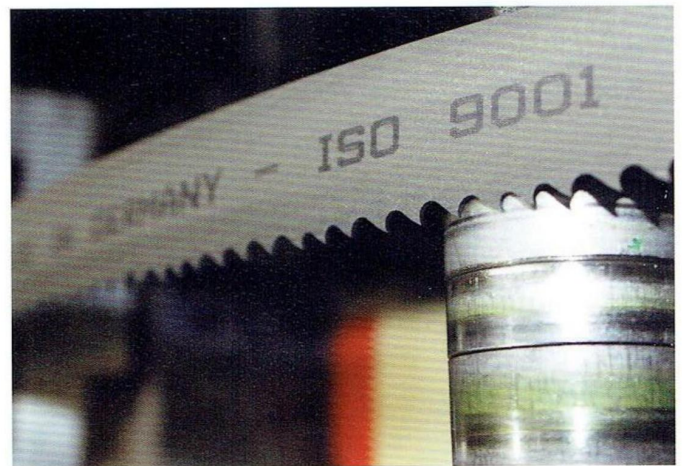
Current Certificate: 01 August 2013

Certificate Expiry: 31 July 2016

Issued by: Lloyd's Register Quality Assurance GmbH
For and on behalf of: Lloyd's Register Quality Assurance Limited



This document is subject to the provision on the reverse.
Immers Kanast 15, 50823 Köln, Germany, Handelsregister Nr. 8 34587
For and on behalf of 71 Fenchurch Street, London EC3A 4BB, United Kingdom, registration number 1876370
This approval is valid only in accordance with the UKAS assessment and certification procedures and is not to be used for any other purpose.
The use of the UKAS Accreditation Mark in any form or on any other document is prohibited without the written permission of UKAS.



1

Thép kết cấu,
thép khuôn,
thép hình

2

Thép kết cấu,
thép cường lực

3

Thép cường lực,
thép lò xo,
thép luyện cứng
(thép tôi)

4

Thép hợp
kim nóng

5

Thép tấm nito,
thép hợp kim
nóng

6

Thép công cụ
(SKD..)

7

Thép cán nguội

8

Thép gió

9

Gang

10

Vật liệu không
gi và chống axit
(kim loại nhẹ)

11

Vật liệu không
gi và chống axit
(kim loại nặng)

12

Thép chịu nhiệt

13

Hợp kim Niken
Đồng

14

Vật liệu phủ
crom,
Vật liệu gia công
cứng bề mặt

15

Nhôm

16

Đồng đỏ

17

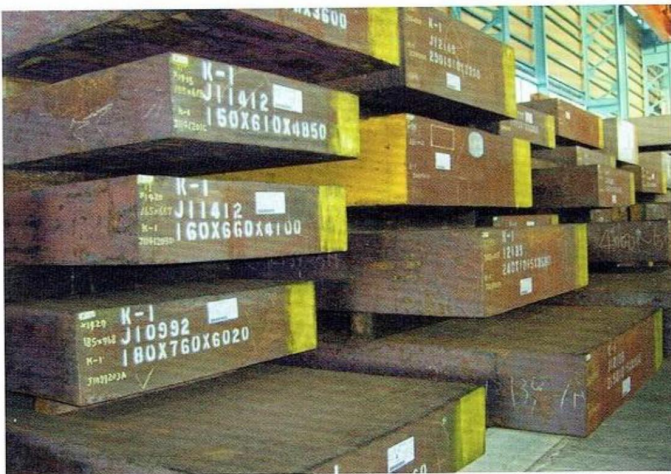
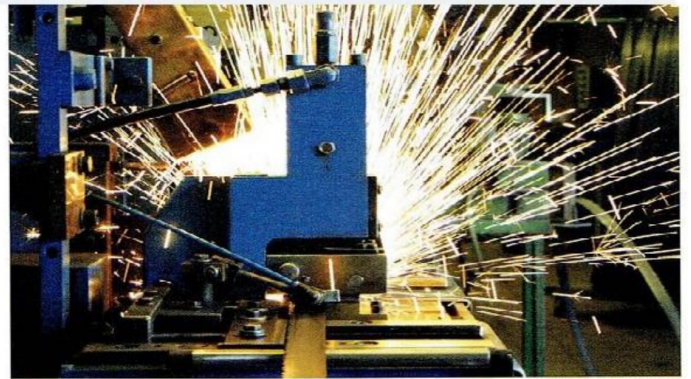
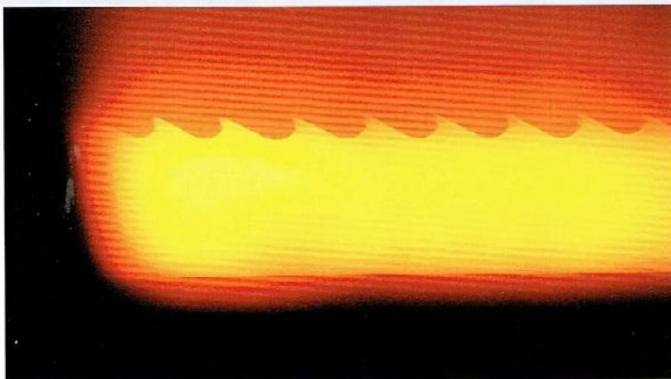
Đồng thau

18

Hợp kim đồng
nhôm

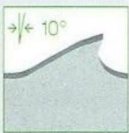
19

Hợp kim titan



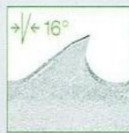


CÁC KIỂU RĂNG LƯỖI CỦA LƯỖNG KIM - BIMETAL



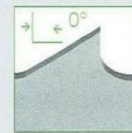
Răng kiểu K
Góc nghiêng thuận

- Sử dụng cho:
- Sử dụng toàn cầu
 - Vật liệu rắn và định hình
 - Kim loại màu và thép



Răng tam giác kiểu D
Góc cắt thuận tuyệt đối

- Sử dụng cho:
- Thép chịu được axit và chống ăn mòn
 - Thép cứng
 - Thép đúc dạng thanh
 - Vật liệu rắn



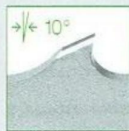
Lưỡi răng tiêu chuẩn S
Góc cắt 0

- Sử dụng cho:
- Thép hình mỏng
 - Thép đúc dạng tròn
 - Thép nồng độ Carbon cao
 - Vật liệu với mật cắt ngang mỏng
 - Gang



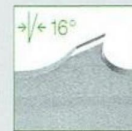
Profile Tooth P
Răng hình thuận

- Sử dụng cho:
- Thép rỗng định hình
 - Thép H (dầm)
 - Vật liệu rắn
 - Cắt bọc và cắt lớp
 - Ứng dụng rung cần thiết



Master Tooth M
Góc cắt là khả năng nhận diện sự khác nhau của lưỡi cắt cao

- Sử dụng cho:
- Thép chịu được acid và chống ăn mòn
 - Thép cường độ cao
 - Thép đúc dài
 - Vật liệu rắn



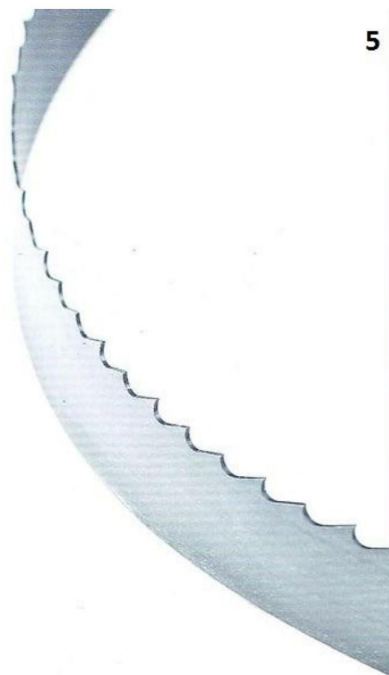
Radial Tooth R
Góc cắt là khả năng nhận diện lưỡi cắt cao

- Sử dụng cho:
- Thép chịu được axit và chống ăn mòn
 - Thép cường độ cao
 - Thép đúc dạng hình
 - Vật liệu rắn
 - Tuổi thọ cao

Honsberg Spectra

No. 700720

5



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

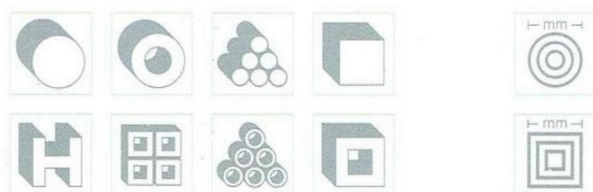
Đặc tính



Máy



Hình dáng



Tùy chọn



mm	Inches	1,25	2	3	3	4	4	6	6	8	10	14	18	tpi
6 x 0,6	1/4 x .025								K					
6 x 0,9	1/4 x .035								K		S	S		
10 x 0,6	3/8 x .025								K	S				
10 x 0,9	3/8 x .035						K		K	S	S	S		
13 x 0,6	1/2 x .025								K		S	S	S	
13 x 0,9	1/2 x .035				K		K		K	S	S	S	S	
20 x 0,9	3/4 x .035				K		K		K			S	S	
27 x 0,9	1 1/16 x .035		K	S	K	S	K	S	K	S	S	S	S	
34 x 1,1	1 3/8 x .042	K	K	S	K	S	K	S	K	S	S			
41 x 1,3	1 5/8 x .050	K	K		K		K							
54 x 1,3	2 1/8 x .050	K												
54 x 1,6	2 1/8 x .063	K	K											
67 x 1,6	2 5/8 x .063	K	K											

Liên hệ: 0912 333 774 / 0903 221 682

Honsberg Spectra

No. 700720



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

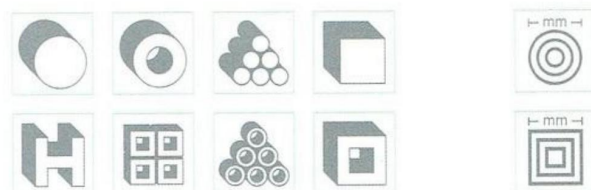
Đặc tính



Máy



Hình dáng



Tùy chọn



mm	Inches	0,75/ 1,25	1,1/ 1,6	1,5/ 2	2/3	3/4	3/4	4/5	4/6	4/6	5/8	6/10	8/12	10/14	tpi
6 x 0,6	1/4 x .025														S
6 x 0,9	1/4 x .035														S
10 x 0,6	3/8 x .025														S
10 x 0,9	3/8 x .035														S
13 x 0,6	1/2 x .025											S	S	S	
13 x 0,9	1/2 x .035											S		S	
20 x 0,9	3/4 x .035								K	S	S	S	S	S	
27 x 0,9	1 1/16 x .035				K	S	K ¹⁾	K	S	K ¹⁾	S	S	S	S	
34 x 1,1	1 3/8 x .042			K	K ¹⁾	S	K ¹⁾	K	S	K ¹⁾	S	S	S		
41 x 1,3	1 5/8 x .050			K	K ¹⁾	S	K ¹⁾	K	S	K ¹⁾	S	S			
54 x 1,3	2 1/8 x .050			K	K ¹⁾		K ¹⁾	K		K					
54 x 1,6	2 1/8 x .063	K	K	K	K ¹⁾		K ¹⁾	K		K ¹⁾					
67 x 1,6	2 5/8 x .063	K	K	K	K ¹⁾		K ¹⁾								
80 x 1,6	3 1/8 x .063	K	K	K	K										

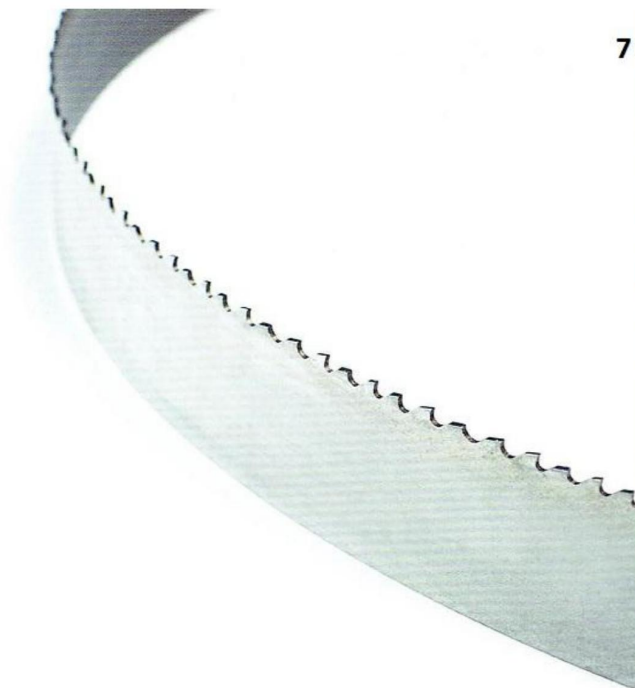
¹⁾ Cũng có thể sử dụng cắt các sản phẩm cứng (EHS)

Liên hệ: 0912 333 774 / 0903 221 682

Honsberg Secura

No. 700724

7



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

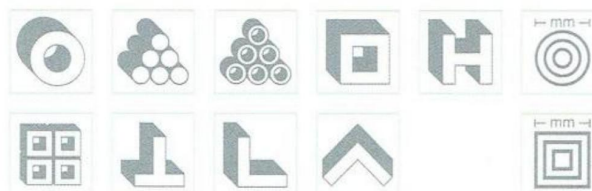
Đặc tính



Máy



Hình dáng



mm	Inches	3/4	4/6	5/7	8/11	12/16	tpi
13 x 0,6	1/2 x .025				P		
20 x 0,9	3/4 x .035				P	P	
27 x 0,9	1/16 x .035	P	P	P	P	P	
34 x 1,1	1 3/8 x .042	P	P	P	P		
41 x 1,3	1 5/8 x .050	P	P	P			
54 x 1,3	2 1/8 x .050						
54 x 1,6	2 1/8 x .063	P	P				
67 x 1,6	2 5/8 x .063	P	P				

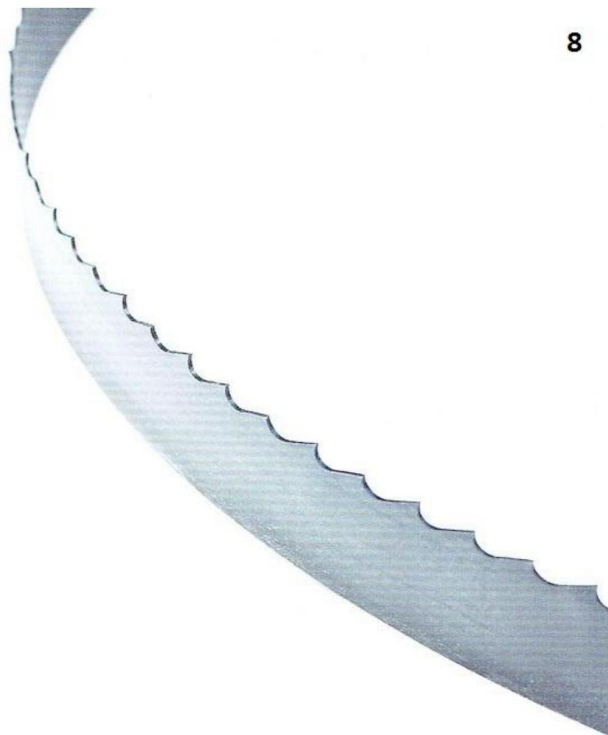
mm	Inches	2/3 EHS	3/4 EHS	tpi
27 x 0,9	1/16 x .035		P-EHS	
34 x 1,1	1 3/8 x .042	P-EHS	P-EHS	
41 x 1,3	1 5/8 x .050	P-EHS	P-EHS	
54 x 1,3	2 1/8 x .050	P-EHS		
54 x 1,6	2 1/8 x .063	P-EHS	P-EHS	
67 x 1,6	2 5/8 x .063	P-EHS	P-EHS	



Liên hệ: 0912 333 774 / 0903 221 682

Honsberg Secura Foundry

No. 700723



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

Đặc tính

**68
HRC**



Máy



Hình dáng

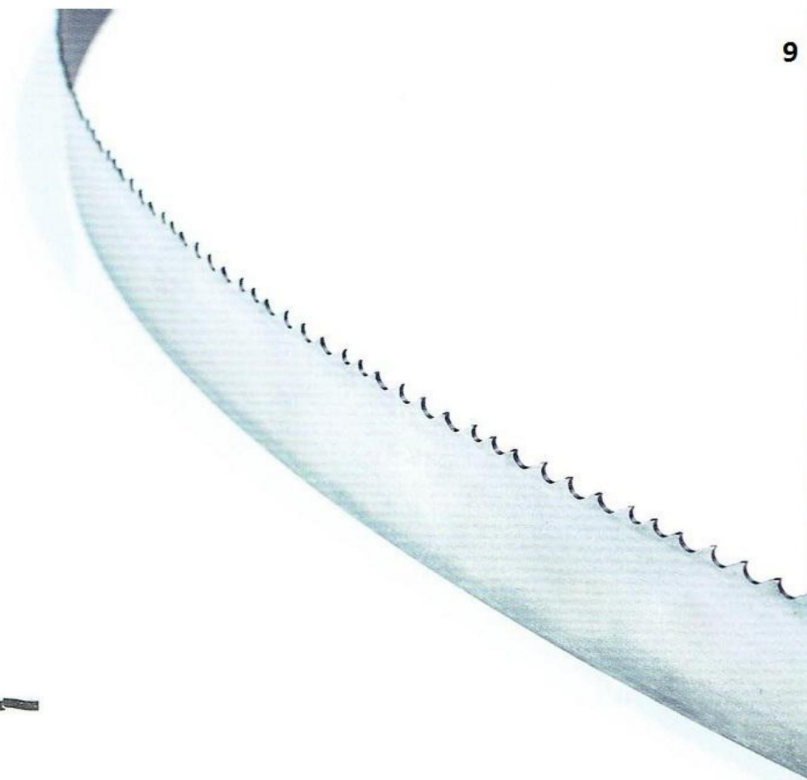
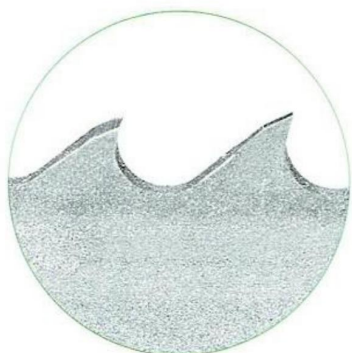


mm	Inches	2	3	4	tpi
13 x 0,9	1/2 x .035		K	K	
20 x 0,9	3/4 x .035		K		
27 x 0,9	1/16 x .035	K	K	K	
27 x 1,1	1/16 x .042	K			
34 x 1,1	1 3/8 x .042	K	K		

Honsberg Delta

No. 700730

9



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

Đặc tính

**68
HRC**

Bì M42



Máy



Hình dáng



Tùy chọn

54-80 mm
Impact Plus



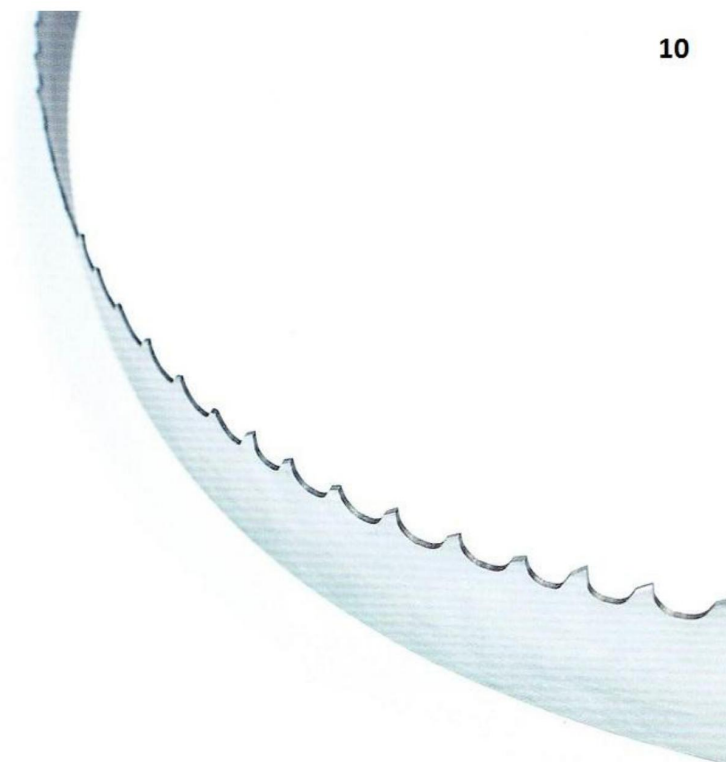
mm	Inches	0,75/1,25	1,1/1,6	1,5/2	2/3	3/4	tpi
27 x 0,9	1 1/16 x .035					D	
34 x 1,1	1 3/8 x .042			D	D	D	
41 x 1,3	1 5/8 x .050			D	D	D	
54 x 1,3	2 1/8 x .050			D	D		
54 x 1,6	2 1/8 x .063		D	D	D	D	
67 x 1,6	2 5/8 x .063	D	D	D	D		
80 x 1,6	3 1/8 x .063	D	D				

Liên hệ: 0912 333 774 / 0903 221 682

Honsberg Master

No. 700740

10



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

Đặc tính

**68
HRc**



Máy



Hình dáng



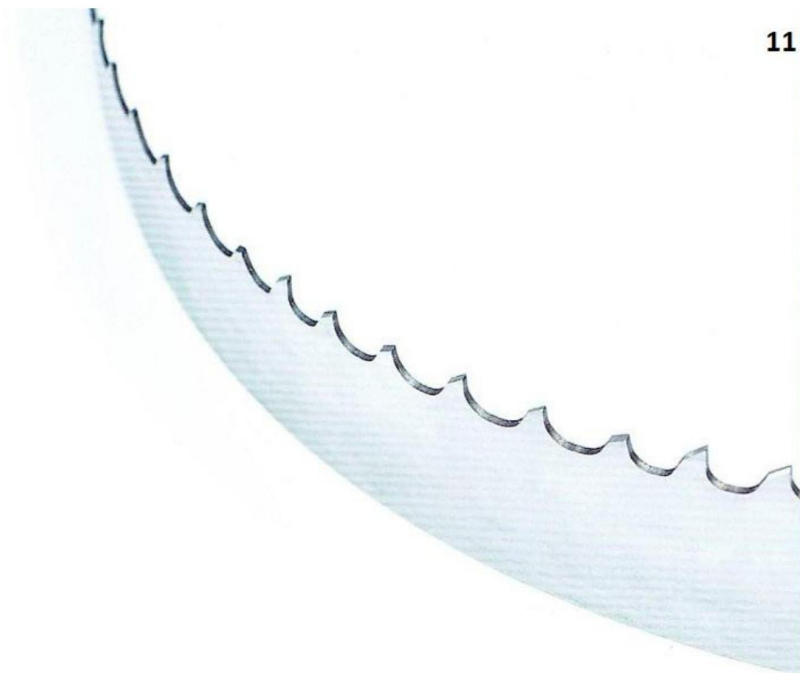
mm	Inches	0,75/1,25	1,5/2	2/3	3/4	tpi
27 x 0,9	1 1/16 x .035				M	
34 x 1,1	1 3/8 x .042			M	M	
41 x 1,3	1 5/8 x .050		M	M	M	
67 x 1,6	2 5/8 x .063	M				

Liên hệ: 0912 333 774 / 0903 221 682

Honsberg Radial

No. 700750

11



Vật Liệu

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

Đặc tính

**68
HRC**



Máy



Hình dáng



Tùy chọn

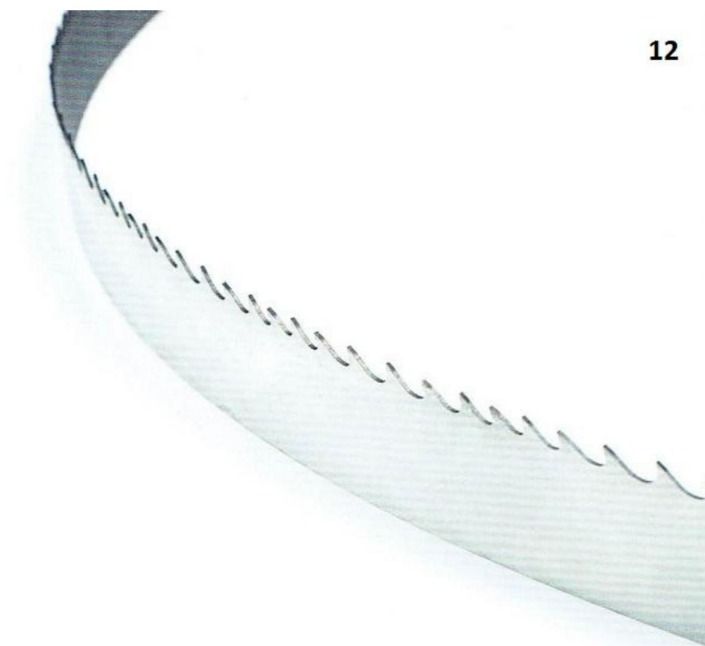


mm	Inches	0,75/1,25	1,1/1,6	1,5/2	2/3	3/4	tpi
34 x 1,1	1 3/8 x .042			R	R	R	
41 x 1,3	1 5/8 x .050			R	R	R	
54 x 1,3	2 1/8 x .050			R	R	R	
54 x 1,6	2 1/8 x .063		R	R	R	R	
67 x 1,6	2 5/8 x .063	R	R	R			
80 x 1,6	3 1/8 x .063	R	R				

Honsberg Duratec

No. 700700

12



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

Đặc tính

68-69
HRC



Máy



Hình dáng



Tùy chọn



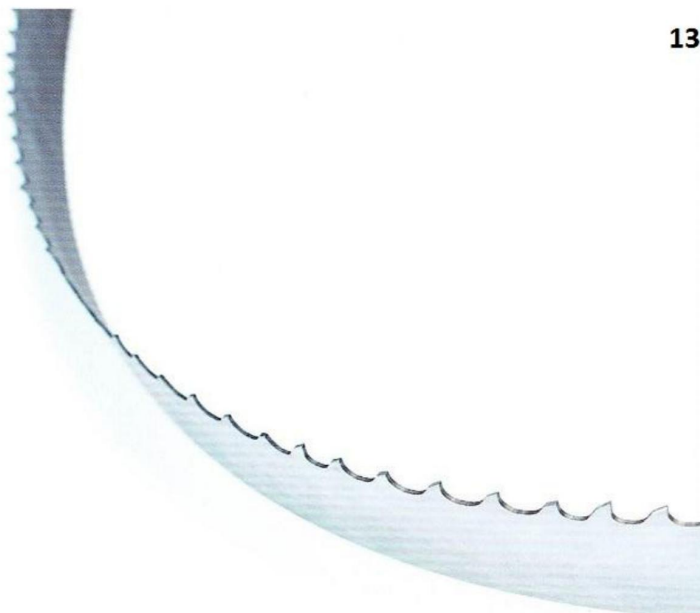
mm	Inches	0,75/1,25	1,1/1,6	1,5/2	2/3	3/4	4/5	4/6	tpi
27 x 0,9	1 1/16 x .035				K	K	K	K	
34 x 1,1	1 3/8 x .050				K	K		K	
41 x 1,3	1 5/8 x .050			K	K	K		K	
54 x 1,6	2 1/8 x .063	K		K	K	K			
67 x 1,6	2 5/8 x .063	K	K	K	K				
80 x 1,6	3 1/8 x .063	K	K						

Liên hệ: 0912 333 774 / 0903 221 682

Honsberg Aurum

No. 700780

13



Vật Liệu



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

Đặc tính



Máy



Hình dáng



Tùy chọn

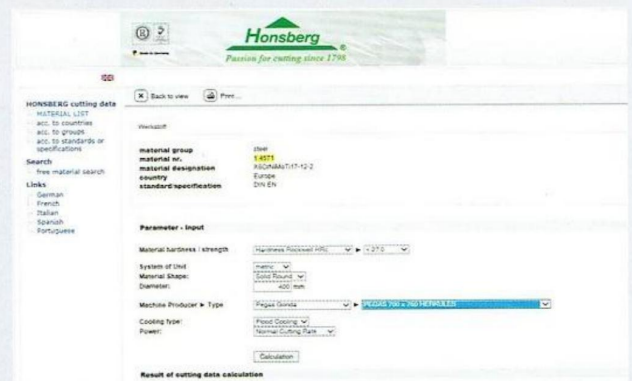


mm	Inches	0,6/0,7	0,75/1,25	0,9/1,1	1,1/1,6	1,5/2	2/3	3/4	tpi
34 x 1,1	1 3/8 x .042						R	R	
41 x 1,3	1 5/8 x .050					R	R		
54 x 1,3	2 1/8 x .050					R	R		
54 x 1,6	2 1/8 x .063				R	R	R		
67 x 1,6	2 5/8 x .063		R		R	R			
80 x 1,6	3 1/8 x .063		R		R				
100 x 1,6	4 x 0.630	R		R					

Linh Kiện

Phần mềm web cắt

14



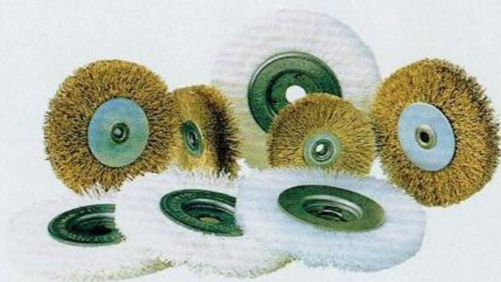
Đồng hồ đo căng lưới cắt



Hệ thống phun cực nhỏ



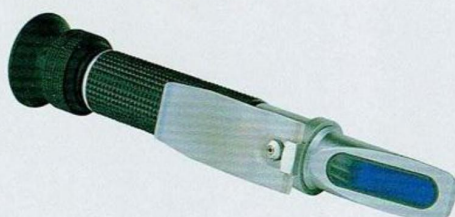
Bánh cước



Đĩa dữ liệu



Khúc xạ kế



Hệ thống đo ống dẫn



Liên hệ: 0912 333 774 / 0903 221 682

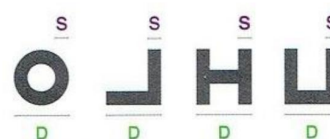


Vật liệu cứng

Thép carbon và lưới cửa lưỡng kim			
D	tpi	D	tpi
< 10 mm	14	< 25 mm	10/14
10 – 30 mm	10	15 – 40 mm	8/12
30 – 50 mm	8	25 – 50 mm	6/10
50 – 80 mm	6	35 – 70 mm	5/8
80 – 120 mm	4	40 – 90 mm	5/6
120 – 200 mm	3	50 – 120 mm	4/6
200 – 300 mm	2	80 – 150 mm	3/4
300 – 700 mm	1,25	130 – 350 mm	2/3
> 600 mm	0,75	150 – 450 mm	1,5/2
		200 – 600 mm	1,1/1,6
		> 500 mm	0,75/1,25

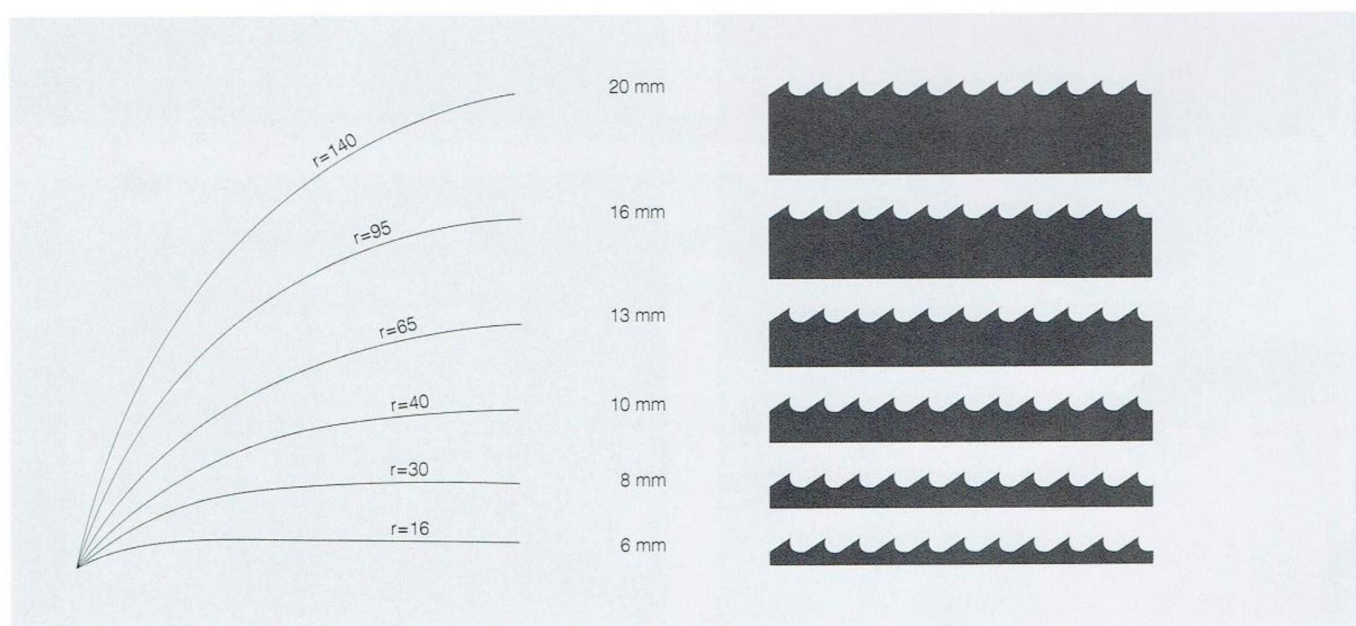
Lưới cửa vòng TCT	
D	tpi
50 – 120 mm	3/4
100 – 250 mm	2/3
150 – 400 mm	1,5/2
350 – 600 mm	1,1/1,6
> 500 mm	0,85/1,15

Cấu trúc



↓ S mm	→ D mm									
	20	40	60	80	100	120	150	200	300	500
2	14	12/16 P	12/16 P	12/16 P	12/16 P	8/11 P	8/11 P	8/11 P	8/11 P	5/7 P
3	14	12/16 P	12/16 P	8/11 P	8/11 P	8/11 P	8/11 P	5/7 P	5/7 P	5/7 P
4	12/16 P	12/16 P	8/11 P	8/11 P	8/11 P	5/7 P	5/7 P	5/7 P	5/7 P	4/6 P
5	12/16 P	12/16 P	8/11 P	8/11 P	5/7 P	5/7 P	5/7 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P
6	12/16 P	8/11 P	8/11 P	5/7 P	5/7 P	5/7 P	5/7 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P
8	12/16 P	8/11 P	8/11 P	5/7 P	5/7 P	5/7 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P
10		8/11 P	5/7 P	5/7 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P
12		8/11 P	5/7 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P
15		8/11 P	5/7 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P
20			4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	3/4 P
30				4/6 P	4/6 P	4/5 P	4/6 P	4/6 P	4/6 P	2/3 P
50							4/6 P	3/4 P	2/3 P	2/3 P
80								3/4 P	2/3 P	2/3 P
>100									2/3 P	1,5/2

Giải pháp tối thiểu cho bản cửa cuộn





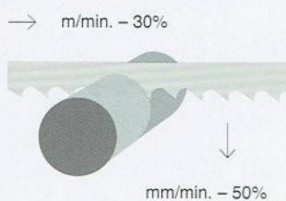
Vì sự an toàn của riêng bạn, hãy làm theo các hướng dẫn an toàn trong khi làm việc với lưới cưa vòng.

- Hãy cẩn thận mờ vòng hàn bởi vì chúng được đóng gói dưới sức ép. Bạn có thể nhận được hướng dẫn thêm từ nhóm HONSBURG của bạn.

- Trong khi mờ và bố trí dụng cụ, luôn luôn mang giày bảo hộ, găng tay và kính bảo hộ.
- Chỉ gỡ bảo vệ răng sau khi đã lắp ráp xong lưới cưa vào máy.
- Đóng nắp của lưới cưa vòng trong quá trình hoạt động.

- Nếu có thể, hãy tắt công tắc chính trong khi thay đổi lưới.
- Bạn có thể tìm thấy thêm hướng dẫn an toàn trong cuốn hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất máy móc cưa vòng của bạn.

Quá trình Cắt

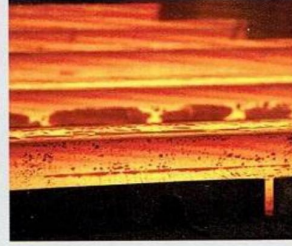
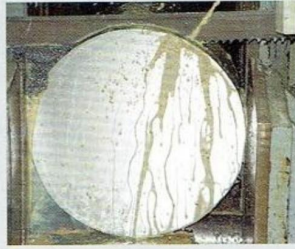


Tuổi thọ của lưới cưa vòng chủ yếu phụ thuộc vào việc điều khiển cắt. Chúng tôi đề nghị quy trình cắt như bên dưới:

- Bước 1
Chọn tốc độ cắt V_c (m/min) và tỷ lệ cắt (V_z (cm²/min) chính xác dựa trên biểu đồ điều kiện cưa.
- Bước 2
Bắt đầu với 70% tốc độ cưa thông thường và 50% tỷ lệ cắt thông thường.

- Bước 3
Nếu rung động vẫn xảy ra, thay đổi tốc độ một cách cẩn thận mãi cho tới khi rung động dừng hẳn. Mạch thông tin lâu rất quan trọng trong suốt quá trình cưa.
- Bước 4
Sau khi cưa khoảng 400–600 cm² hoặc ít nhất là 15 phút, đó thật sự là thời gian cắt cho ống và thép hình. Bạn trước tiên có thể từ từ bật lên tốc độ tối đa và rồi lên tới tỷ lệ cưa bình thường.

Global Industrial Sawing Solutions



Made in Germany



Liên hệ tư vấn kỹ thuật và mua hàng:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ LÊ HÙNG

Mai Hiền, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

Tel: 024. 32001203

Fax: 024. 32007513

Website: <http://lehungtech.com.vn>

HONSBURG
Metallsägen GmbH

Auf dem Knapp 42
42855 Remscheid
Germany

+49 2191 373-770
+49 2191 373-799

info@honsberg.de
www.honsberg.de